TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG

Số: 66/2018/QĐST - HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kinh Môn, ngày 20 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 68/2018/TLST/HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn : Chị Dương Thị T, sinh năm 1980

- Bị đơn : Anh Lê Văn H, sinh năm 1978

Đều có địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12/3/2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12/3/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bẩy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị T và anh Lê Văn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao hai cháu Lê Thị Thùy D, sinh ngày 28/3/2001 và cháu Lê Thị Ngọc A cho chị Dương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Văn H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với cháu Ngọc A cho chị T là 1.000.000đ/tháng được tính từ tháng 4/2018 cho đến khi cháu Ngọc A đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Đối với cháu Thùy D chị T tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, chị T yêu cầu thi hành khoản tiền trên mà anh H chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Đôi bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Dương Thị T tự nguyện chịu 150.000^{đ} tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000^{đ} đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0001474 ngày 05/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K. Chi cục thi hành án dân sự huyện K hoàn trả cho chị T 150.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh H phải nộp 150.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- *Cá đương sự;*
- *VKSND huyện K;*
- *Chi cục THA dân sự huyện K;*
- *UBND xã H;*
- *Lưu*

Nguyễn Thị Hiền